

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-PT

Ngày 18-01-2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Nhung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuyên

Bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh - Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 13/2017/TLPT-HNGĐ ngày 04/10/2017 về việc “Ly hôn”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của TAND huyện Quảng Ninh bị ông Lê Văn T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1084/2017/QĐ-PT ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1985.

Hiện trú tại: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Lý Hải

– VP Luật sư Hồ Lý Hải- Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: Xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị K, sinh năm 1986.

Hiện trú tại: Thôn X, xã N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Đại diện theo pháp luật của chị Lê Thị K: Ông Lê Văn T (bố chị K), sinh năm 1945.

Hiện trú tại: Thôn X, xã N, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị Xuân – Trợ giúp viên pháp lý TT Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: Số 117 Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn T, đại diện theo pháp luật của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Hoàng Văn H và chị Lê Thị K kết hôn năm 2012, đăng ký tại UBND xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về chung sống ở nhà bố mẹ chị K tại thôn X, xã N, huyện Quảng Ninh được một thời gian, tiếp đến sống tại nhà bố mẹ anh H ở thị xã B, sau đó thì chuyển về thành phố Đ thuê trọ và làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 11/2014 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị K đưa con về sống tại nhà bố mẹ. Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2016 gửi Tòa án cấp sơ thẩm, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị K.

Về con chung: Anh H và chị K có 01 con chung tên là Hoàng Anh D, sinh ngày 14/4/2013. Ly hôn, anh H có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh H cho rằng vợ chồng có một số tài sản chung có giá trị nhỏ, ly hôn anh đồng ý giao toàn bộ tài sản này cho chị K sở hữu.

Bị đơn chị Lê Thị K trình bày:

Chị thống nhất với trình bày của anh H về quá trình kết hôn và chung sống của vợ chồng. Mặc dù vợ chồng có thời gian dài sống ly thân nhưng chị nhận thấy vẫn còn tình cảm với anh H nên xin được đoàn tụ.

Về con chung: Chị K trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh D vì từ khi vợ chồng ly thân, chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị K yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: chị K trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn T (bố chị K) – là người đại diện theo pháp luật của chị Lê Thị K trình bày:

Chị K và anh H tự nguyện kết hôn và sống chung với nhau, sinh được một con trai là Hoàng Anh D. Cuộc sống vợ chồng sớm xảy ra mâu thuẫn và xung đột, do anh H có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác nên thường xuyên về gây gổ và có hành vi bạo lực với chị K, khiến chị K bị bệnh tâm thần phân liệt phải điều trị ngoại trú. Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị K và con trai sống cùng gia đình ông. Anh H không quan tâm, chăm sóc gì đến vợ con. Nếu chị K và anh H ly hôn, ông có yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh D, yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho chị K số tiền 116.800.000 đồng, cấp dưỡng cho cháu Hoàng Anh D: 175.200.000 đồng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xét xử vắng mặt bị đơn chị Lê Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T1.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Hoàng Văn H được ly hôn với chị Lê Thị K.

2. *Về quan hệ con chung:* Áp dụng các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình:

Xử: Giao anh Hoàng Văn H nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh D, sinh ngày 14/4/2013, chị K không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H, anh H cam đoan đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. *Về cấp dưỡng:*

Áp dụng các Điều 115, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của chị Lê Thị K: Buộc anh Hoàng Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng cho chị Lê Thị K mỗi tháng 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Hoàng Văn H đối với chị Lê Thị K được chấm dứt khi có một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Không chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của chị Lê Thị K, ông Lê Văn T về việc yêu cầu anh Hoàng Văn H cấp dưỡng trong thời kỳ hôn nhân cho chị Lê Thị K (bao gồm cấp dưỡng cho chị K và cháu Hoàng Anh D) với thời gian 04 năm (từ tháng 4/2013 đến khi xét xử sơ thẩm) với tổng số tiền 292.000.000 đồng, trong đó cấp dưỡng cho chị K :116.800.000 đồng; cấp dưỡng cho cháu D 175.200.000 đồng. Anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng số tiền trên cho chị Lê Thị K.

4. *Về tài sản chung và nợ chung:* Áp dụng Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Công nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Văn H về việc giao cho chị Lê Thị K các tài sản chung của vợ chồng hiện nay anh H đang quản lý, sử dụng; chị K được sở hữu các tài sản bao gồm:

01 (*một*) tivi 14inches hiệu Samsung đã cũ, trị giá 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) ; 01 (*một*) tủ đựng áo quần trẻ em bằng nhựa Duy Tân cao 1,2m; rộng 60cm,dày 45cm đã qua sử dụng, trị giá 100.000 đồng (*một trăm ngàn đồng*) , 01 (*một*) bếp ga đôi nhãn hiệu Aone đã cũ (không có bình) trị giá 150.000

đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng); 01 (một) nồi cơm điện đã cũ nhãn hiệu Kojne, model kj 8186, dung tích 1,8l, trị giá 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng); 01 (một) quạt điện hiệu Hinghai đã cũ trị giá 100.000đồng (một trăm ngàn đồng) .

Các tài sản trên có tổng giá trị 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng). Anh H có trách nhiệm giao lại số tài sản này cho chị Lê Thị K.

Không chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của chị Lê Thị K, ông Lê Văn T về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh H, chị K: 01 chiếc xe máy tay ga; 01 tủ lạnh; 01 Bình ga nấu bếp; 01 phích đựng nước, 01 ấm siêu tốc vì không có cơ sở

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 29/8/2017, ông Lê Văn T- người đại theo pháp luật của bị đơn chị Lê Thị K kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 với nội dung: yêu cầu giao cháu Hoàng Anh D cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị K và tiền nuôi cháu D (con chị K) trong thời gian 4 năm với số tiền là 292.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị K trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hiện cháu Hoàng Anh D từ khi sinh ra đến nay được gia đình bên ngoại và chị K chăm sóc nuôi dưỡng, để tránh tình trạng xáo trộn nơi ăn ở của cháu D nên đề nghị giao cháu D cho chị K tiếp tục chăm sóc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn H trình bày: Đề nghị Hội đồng xem xét sự tự nguyện của anh H giao con cho chị K nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Hoàng Anh D cho anh Hoàng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng là chưa căn cứ vào hoàn cảnh thực tế và điều kiện nuôi dưỡng của các bên, quyền lợi về mọi mặt của cháu bé, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T giao cháu Hoàng Anh D cho chị Lê Thị K tiếp tục nuôi dưỡng. Không chấp nhận những nội dung kháng cáo khác của ông Lê Văn T vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này chị Lê Thị K là người bị suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và hiện đang hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước theo Phiếu trợ cấp số 307/PTC-SLĐTBXH ngày 6 tháng 6 năm 2012 của sở Lao động thương binh xã hội thì chị K bị tâm thần phân liệt, di tật đốt sống L3, thuộc trường hợp con đẻ của người kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học từ bố, nên ông Lê Văn T là người đại diện theo pháp luật kháng cáo, trong trường hợp này được xem bị đơn là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, nên kháng cáo của ông Lê Văn T được coi là hợp lệ để xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Lê Văn T đề nghị giao con chung của anh H và chị K là cháu Hoàng Anh D cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử nhận định: từ tháng 11/2014 khi chị K và anh H ly thân, chị K đưa con về chung sống, sinh hoạt tại nhà bố mẹ chị tại xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Cháu Hoàng Anh D được chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có sự giúp đỡ của bố mẹ, anh chị em ruột của chị K, thực tế cho thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian qua của chị K đối với con chung là rất tốt, cháu D phát triển bình thường về mọi mặt. Công việc của chị K hiện tại ở nhà và phụ giúp công việc ở nhà hàng, có thu nhập ổn định, chủ động về thời gian, có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tại phiên tòa anh H thừa nhận từ khi vợ chồng ly thân cho đến tại thời điểm này con anh là cháu Hoàng Anh D đang ở ổn định với chị K từ trước đến nay, bên cạnh đó còn có sự đùm bọc, giúp đỡ của gia đình ông bà ngoại, trong khi anh H thường xuyên phải đi làm, chưa có nhà cửa ổn định, anh H tự nguyện để con cho chị K nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự tự nguyện của anh H tại phiên tòa là có căn cứ cũng phù hợp với nội dung kháng cáo của ông Lê Văn T, do đó cần chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T sửa bản án sơ thẩm giao cháu Hoàng Anh D cho chị Lê Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đã thành niên.

Xét kháng cáo của ông Lê Văn T yêu cầu anh Hoàng Văn H cấp dưỡng cho chị K và tiền nuôi cháu D (con chị K) trong thời gian 4 năm với số tiền là 292.000.000 đồng trong thời kỳ hôn nhân, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Chị K và anh H kết hôn tự nguyện, quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly thân cho đến thời điểm anh H có yêu cầu giải quyết ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân và tại thời điểm hiện tại chị K không có yêu cầu và cũng không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh mình bị anh H bạo hành dẫn đến đau yếu, bệnh tật. Việc ông T bố chị K cho rằng anh H đã đánh đập chị K dẫn đến chị K bị bệnh tâm thần phân liệt, sức khỏe yếu phải điều trị bệnh viện nhưng không chứng minh được, không có căn cứ xác thực. Vì vậy, kháng cáo buộc anh H phải có nghĩa

vụ cấp dưỡng cho chị K trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị K còn tồn tại là hoàn toàn không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T, sửa bản án hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Về án phí: ông Lê Văn T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Hoàng Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 148, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, để sửa bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Giao cháu Hoàng Anh D, sinh ngày 14/4/2013 cho chị Lê Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 2/2018 cho đến khi cháu D đã thành niên.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T buộc anh H cấp dưỡng cho chị K và tiền nuôi cháu D (con chị K) trong thời gian 4 năm với số tiền là 292.000.000 đồng trong thời kỳ hôn nhân vì không có căn cứ.

3. Về án phí:

- Ông Lê Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm

- Anh Hoàng Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Tổng cộng anh H phải nộp 400.000 đồng án phí, nhưng được khấu trừ số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000871 ngày 14/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh. Anh H còn phải nộp số tiền 200.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (P9);
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Kim Nhung